TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỪ SƠN** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 73/2019/QĐST-HNGĐ	*Từ Sơn, ngày 22 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Mạnh Hải.
2. Ông Đỗ Đức Hùng.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 37, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ hồ sơ vụ án Tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn T C, sinh năm 1971; Trú tại: Số 83 M K, phường Đ Ng, thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Trần Th T - Luật sư công ty Luật TNHH L thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

Bị đơn: Ông Đào X B, sinh năm 1967; Trú tại: Số 83 M K, phường Đ Ng, thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Th T, sinh năm 1973 và ông Nguyễn Q L, sinh năm 1968. Trú tại: Khu phố 4 C G, phường Đ N, thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh.

Ông L và bà T uỷ quyền cho bà Võ T T M, sinh năm 1988. Trú tại: Th B, H Th, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn T C và ông Đào X B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà C, ông B xác nhận vợ chồng có bốn con chung là cháu Đào T H, sinh năm 1991 hiện đã lập gia đình riêng; cháu Đào N H, sinh năm 1994 hiện đã lập gia đình riêng; cháu Đào X K, sinh năm 2007 và cháu Đào X C, sinh năm 2009. Cháu H, cháu H đã lập gia đình riêng nên ông B, bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn bà C, ông B thỏa thuận để bà C nuôi cháu Đào X K, sinh ngày 19/6/2007 và cháu Đào X C, sinh ngày 08/12/2009. Vấn đề đóng góp phí tổn nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đào X B cùng các thành viên gia đình được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà C và ông B nhất trí cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Q L và bà Ngô T T số tiền gốc và lãi tính đến ngày 22/11/2019 tổng cộng là: 5.571.918.904 (Năm tỉ năm trăm bẩy mốt triệu chín trăm mười tám nghìn chín trăm linh bốn đồng), trong đó cụ thể như sau:

+ Ông Đào X B phải trả cho ông Nguyễn Q L và bà Ngô T Th số tiền nợ gốc và lãi là: 2.785.959.452 đồng (Hai tỉ bẩy trăm tám lăm triệu chín trăm lăm chín nghìn bốn trăm lăm hai đồng).

+ Bà Nguyễn T C phải trả cho ông Nguyễn Q L và bà Ngô T T số tiền nợ gốc và lãi là: 2.785.959.452 đồng (Hai tỉ bẩy trăm tám lăm triệu chín trăm lăm chín nghìn bốn trăm lăm hai đồng).

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn T C phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm. Xác nhận bà C đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2013/0002023 ngày 07/01/20169 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh.

- Ông Nguyễn Q L và bà Ngô T T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Q L và bà Ngô T T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.400.000đ (Năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0002170 ngày 16/05/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Đào X B phải chịu: 56.785.959đ (Năm mươi sáu triệu bẩy trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm lăm chín nghìn đồng).

+ Bà Nguyễn T C phải chịu: 56.785.959đ (Năm mươi sáu triệu bẩy trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm lăm chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./..

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TX Từ Sơn;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- CC THADS TX Từ Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Xuân Hà